BỘ NỘI VỤ

BỘ NỘI VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2014/TT-BNV	*Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2014*

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 58/2014/NĐ-CP ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng, Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ và Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013.

Điều 1. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

Nguyên tắc thi đua, khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 42/2010/NĐ-CP), Điều 2 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 65/2014/NĐ-CP) và theo các nguyên tắc sau:

1. Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc".

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các ban, ngành, đoàn thể trung ương chỉ khen thưởng cho tập thể, cá nhân thuộc cấp tỉnh quản lý khi tiến hành phát động thi đua theo chuyên đề.

Điều 2. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của cá nhân, tập thể để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng nhau.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo khối, cụm thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các khối, cụm thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

a) Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương thực hiện việc khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ xét tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch nước xét tặng "Huân chương Lao động" hạng ba hoặc "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" hạng ba;

b) Khi tổ chức phong trào thi đua theo chuyên đề có phạm vi trong tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc phạm vi ngành và lĩnh vực thuộc bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương có thời gian từ 03 năm trở lên, các bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương gửi kế hoạch tổ chức phát động phong trào thi đua về Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp và hướng dẫn xét khen thưởng.

3. Không khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện luật, pháp lệnh, nghị định hoặc phục vụ hội nghị, hội thảo, diễn đàn...

Điều 3. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và những nội dung sau:

1. Phong trào thi đua có chủ đề, tên gọi dễ nhớ, dễ tuyên truyền, dễ thực hiện; nội dung bám sát nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để đề ra nội dung, phương pháp thi đua cụ thể, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng tham gia của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân.

2. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

Điều 4. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

1. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP.

2. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được xét tặng cho cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc nhất được lựa chọn trong số các cá nhân có 02 lần liên tục đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương trong đó có 06 năm liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở".

3. Thời điểm xét danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương lần thứ hai.

Điều 5. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Tỷ lệ cá nhân được công nhận danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở" do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương quy định, nhưng không quá 15% tổng số cá nhân đạt danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Chiến sĩ tiên tiến".

Điều 6. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng"

1. Danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến", "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" được xét tặng hàng năm vào dịp tổng kết năm; tiêu chuẩn thực hiện theo Điều 17 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

2. "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" theo tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003. Đối tượng được xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", "Đơn vị quyết thắng" do bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương, căn cứ vào thực tiễn quy định, theo nguyên tắc sau:

a) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

b) Đối với cấp Bộ (ban, ngành, đoàn thể trung ương) gồm: vụ, ban, phòng trực thuộc và tương đương;

c) Đối với cấp tỉnh gồm: phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

d) Đối với cấp huyện gồm: phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

đ) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 7. Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ"

Danh hiệu "Cờ thi đua của Chính phủ" được xét tặng cho tập thể đạt tiêu chuẩn quy định tại Điều 6 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Số lượng tập thể đề nghị xét tặng "Cờ thi đua Chính phủ" không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương.

Điều 8. Danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa"

Danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Thôn, làng, ấp, bản, tổ dân phố văn hóa" và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn tại Điều 29 và

Điều 30 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bình xét, tặng danh hiệu "Gia đình văn hóa" và lựa chọn những gia đình tiêu biểu trong số các gia đình đạt danh hiệu "Gia đình văn hóa" để thưởng tiền theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP.

Điều 9. Trách nhiệm của bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước và danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc"

Bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương có trách nhiệm tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và bố trí để tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước và danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm trong bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Điều 10. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động.

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích đột xuất là thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc bình thường mà tập thể, cá nhân phải đảm nhận).

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam trên lĩnh vực: chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh, quốc phòng, ngoại giao hoặc lĩnh vực khác.

Điều 11. Khen thưởng quá trình cống hiến

1. Tiêu chuẩn thời gian xét khen thưởng quá trình cống hiến thực hiện như sau:

a) Cán bộ tham gia hoạt động cách mạng trước năm 1945 là những người bắt đầu tham gia cách mạng từ ngày 31 tháng 12 năm 1944 trở về trước hoặc người được kết nạp Đảng trước ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

b) Cán bộ tiền khởi nghĩa là người tham gia cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày 19 tháng 8 năm 1945, được cơ quan có thẩm quyền công nhận;

c) Cán bộ hoạt động liên tục trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

d) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống Pháp là người có thời gian tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 đến ngày 20 tháng 7 năm 1954;

đ) Cán bộ hoạt động thời kỳ kháng chiến chống Mỹ là người tham gia công tác liên tục trong khoảng thời gian sau ngày 20 tháng 7 năm 1954 đến ngày 30 tháng 4 năm 1975;

e) Cán bộ hoạt động thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là người tham gia công tác từ sau ngày 30 tháng 4 năm 1975 đến nay.

2. Thực hiện việc xét, đề nghị khen thưởng đối với người có quá trình cống hiến khi cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, đã đến tuổi nghỉ chế độ hoặc đã nghỉ chế độ mà chưa được khen thưởng (kể cả các trường hợp đã hy sinh, từ trần).

3. Về thời gian giữ chức vụ thực hiện như sau:

a) Cá nhân có thời gian giữ chức vụ cao nhưng không đủ thời gian để được tính khen theo tiêu chuẩn quy định đối với chức vụ đó thì được cộng với số thời gian giữ chức vụ thấp hơn liền kề để tính tiêu chuẩn khen thưởng theo chức vụ thấp hơn liền kề;

b) Cá nhân trong cùng một thời gian đảm nhiệm nhiều chức vụ khác nhau thì lấy chức vụ cao nhất để làm căn cứ áp dụng tiêu chuẩn khen thưởng;

c) Đối với các trường hợp cán bộ thực hiện yêu cầu luân chuyển, điều động do cấp có thẩm quyền quyết định giữ các chức vụ thấp hơn trước khi luân chuyển, điều động thì khi xem xét khen thưởng được lấy chức vụ trước khi luân chuyển, điều động để làm căn cứ tính và được hưởng thời gian liên tục theo chức vụ đó để đề nghị khen thưởng.

4. Điều kiện áp dụng khen thưởng như sau:

a) Không khen thưởng đối với người bị kỷ luật khai trừ Đảng, bị kỷ luật buộc thôi việc; bị tước danh hiệu quân nhân, quân hàm sĩ quan hoặc quân hàm chuyên nghiệp, bị tòa án tuyên có tội. Đối với cán bộ bị kỷ luật khai trừ Đảng, sau đó đã sửa chữa khuyết điểm, phấn đấu và được kết nạp lại vào Đảng, nếu đạt tiêu chuẩn quy định thì được xét khen thưởng;

b) Hạ một mức khen đối với người đã bị kỷ luật lưu Đảng, khai trừ Đảng sau đó được kết nạp lại và những người: bị cách chức, giáng chức, giáng cấp bậc quân hàm, hạ bậc lương, cảnh cáo. Hình thức kỷ luật của cá nhân chỉ xem xét một lần đối với một hình thức khen thưởng (những lần xét khen sau không căn cứ vào hình thức kỷ luật đã xét khen lần trước).

5. Cá nhân thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng quản lý (kể cả cán bộ đã nghỉ hưu, từ trần) công tác ở các cơ quan, đoàn thể trung ương hoặc ở các địa phương, căn cứ hồ sơ đảng viên (hoặc hồ sơ quản lý cán bộ nếu không là đảng viên) về quá trình công tác và thành tích đạt được, cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy hoặc Vụ (Phòng, Ban) Tổ chức cán bộ của Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương lập hồ sơ các trường hợp đủ tiêu chuẩn, báo cáo cấp ủy xem xét, xác nhận quá trình công tác, các hình thức khen thưởng và kỷ luật (nếu có); trên cơ sở đó Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Trưởng các Ban, ngành, lãnh đạo cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ. Việc xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương hoặc báo cáo Ban Cán sự Đảng Chính phủ do Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương thực hiện.

Điều 12. Chức danh tương đương

Về quy định chức danh tương đương để xét khen thưởng, thực hiện như sau:

1. Chức danh tương đương là chức danh được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm cho cán bộ, công chức (hoặc công nhận giữ các chức vụ bầu cử) làm công tác lãnh đạo, quản lý trong cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

2. Cấp có thẩm quyền quyết định (hoặc công nhận):

Cấp Trung ương: Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương.

Cấp địa phương: Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Các chức danh tương đương:

a) Chức danh tương đương Bộ trưởng gồm: Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Tổng Biên tập Báo Nhân dân, Bí thư Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương; Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Phó Bí thư thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh;

b) Chức danh tương đương Thứ trưởng, Phó Trưởng ban Đảng, Phó Trưởng đoàn thể Trung ương gồm: Phó Chánh Văn phòng Trung ương; Phó Chủ nhiệm, Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Phó Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; Bí thư Ban Cán sự Đảng ngoài nước, Phó Tổng Biên tập báo Nhân dân, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, Phó Bí thư Đảng ủy Khối trực thuộc Trung ương, Giám đốc Nhà Xuất bản Chính trị quốc gia; Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước; Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; Phó Thủ trưởng các cơ quan ngang bộ; Trợ lý: Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội; Chủ tịch Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Chủ tịch Liên hiệp các Tổ chức Hữu Nghị; Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam, Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam; Thủ trưởng cơ quan, Tổng cục trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Bí thư Thường trực Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

c) Chức danh tương đương Vụ trưởng (Cục trưởng) gồm: Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo, quản lý từ 0,9 đến 1,25 hiện nay (hoặc phụ cấp 0,8 theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang); các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp bảng lương chức vụ có mức lương 533, 576, 621 đồng/tháng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18

tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang; các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp lương chức vụ Vụ trưởng (Cục trưởng) trước năm 1985.

d) Chức danh tương đương Phó Vụ trưởng (Phó Cục trưởng) gồm: Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm và được xếp hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,8 hiện nay (hoặc phụ cấp 0,6 theo Nghị định số 25/CP ngày 23 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới của công chức, viên chức hành chính, sự nghiệp và lực lượng vũ trang); các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp bảng lương chức vụ có mức lương 474, 513, 555 đồng/tháng theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang; các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp lương chức vụ Phó Vụ trưởng (Phó Cục trưởng) trước năm 1985;

đ) Chức danh tương đương Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gồm: Ủy viên Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội chuyên trách tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

e) Chức danh tương đương Giám đốc Sở, trưởng các đoàn thể cấp tỉnh gồm: Các chức danh lãnh đạo, quản lý được cấp có thẩm quyền bổ nhiệm hoặc quyết định công nhận (qua bầu cử) và được xếp hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo 0,9 hiện nay (hoặc 0,7 trước đây); các chức danh lãnh đạo, quản lý được xếp bảng lương chức vụ có mức lương 474, 513, 555 đồng/tháng theo bảng lương chức vụ quy định tại Nghị định số 235/HĐBT ngày 18 tháng 9 năm 1985 của Hội đồng Bộ trưởng về cải tiến chế độ tiền lương của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc được xếp bằng lương chức vụ Giám đốc Sở trước năm 1985;

g) Chức danh tương đương trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có quy định riêng.

Điều 13. Đối tượng tập thể để xét khen thưởng "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh"

1. "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh" tặng cho tập thể được quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Đơn vị tương đương với Tổng cục thuộc Bộ là các tổ chức, đơn vị trực thuộc Bộ có quy mô tổ chức lớn, có chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức do Thủ tướng Chính phủ quy định hoặc được Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quy định.

2. Tập thể có chức năng, nhiệm vụ đặc biệt là những tập thể có quy mô và tầm ảnh hưởng rộng trong lĩnh vực quốc phòng, công an, khoa học công nghệ và một

số lĩnh vực khác hoặc có nhiệm vụ hoạt động bí mật để đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 14. Điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng

1. Tiêu chuẩn khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và đảm bảo áp dụng phù hợp với từng mức hạng, từng loại thành tích tương xứng với kết quả đạt được trong phong trào thi đua, tương xứng với mức độ công lao đóng góp, cống hiến cho sự nghiệp chung của đất nước, của bộ, ngành hoặc của từng địa phương; thành tích đạt được nhiều, công lao đóng góp lớn, phạm vi ảnh hưởng rộng thì mức hạng khen thưởng cao; không nhất thiết phải theo tuần tự có hình thức khen thưởng mức thấp rồi mới khen thưởng mức cao; không cộng dồn thành tích đã khen của lần trước để nâng mức khen lần sau.

2. Đối với "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh" là Huân chương cao quý thì điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng phải có bề dày truyền thống, có công lao đóng góp to lớn cho sự nghiệp cách mạng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Mốc thời gian xét khen thưởng được quy định từ Điều 7 đến Điều 20 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP được thực hiện như sau: Quy định 25 năm, 10 năm, 05 năm để làm mốc thời gian đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo là thời gian tính từ khi quyết định khen thưởng lần trước đến thời điểm trình khen thưởng lần sau phải đủ 25 năm, 10 năm, 05 năm trở lên.

Căn cứ vào dịp kỷ niệm ngày lễ lớn của đất nước, ngày thành lập, ngày truyền thống (năm chẵn, năm tròn) của bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương hoặc cơ quan, tổ chức, đơn vị để đề nghị các hình thức khen thưởng phù hợp với thành tích đã đạt được.

4. Những tập thể không thuộc đối tượng xét tặng cờ thi đua, danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" khi xem xét đề nghị tặng thưởng Huân chương (quy định tại các khoản 18, 19, 20, 21, 22 và 23 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013) và "Bằng khen Thủ tướng Chính phủ" (quy định tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013), thì được căn cứ vào thành tích của các đơn vị trực thuộc trực tiếp để xem xét khen thưởng, cụ thể là: trong khoảng thời gian xét khen thưởng (ví dụ 05 năm), hàng năm tập thể đó phải có từ 2/3 trở lên số đơn vị trực thuộc trực tiếp đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến", "Đơn vị tiên tiến" và phải đạt các tiêu chuẩn theo quy định.

5. Cá nhân đã được khen thưởng theo Thông tri số 38/TT-TW ngày 25 tháng 10 năm 1984 và Thông tri số 19/TT-TW ngày 27 tháng 02 năm 1988 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (Khóa V), nay đối chiếu với tiêu chuẩn quy định tại Nghị định

số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP nếu mức khen chỉ bằng mức đã khen trước đây theo Thông tri số 38/TT-TW thì không đề nghị khen nữa; nếu đủ tiêu chuẩn khen cao hơn thì đề nghị xét, điều chỉnh mức khen. Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

Đối với cá nhân đã được khen thưởng Huân chương Độc lập theo Thông tri số 38/TT-TW và Thông tri số 19/TT-TW, sau đó tiếp tục công tác, đảm nhiệm các chức vụ mới ở các cơ quan, tổ chức, đoàn thể, nếu đủ tiêu chuẩn theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP thì tiếp tục được xét khen thưởng; hình thức khen thưởng có thể cao hơn, bằng hoặc thấp hơn mức đã được khen trước theo Thông tri số 38/TT-TW và Thông tri số 19/TT-TW. Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

Điều 15. Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương để tặng cho gia đình

Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương tặng cho gia đình được thực hiện theo khoản 3 Điều 24 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ban, ngành, đoàn thể ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Điều 16. Giấy khen để tặng cho gia đình

Giấy khen tặng cho gia đình được thực hiện theo Điều 25 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng cho phù hợp.

Điều 17. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và có trách nhiệm tham mưu cho Bộ trưởng, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể ở trung ương hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp bộ.

2. Đối với bộ, ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương chưa thành lập Vụ (Phòng, Ban) Thi đua - Khen thưởng thì đơn vị phụ trách công tác thi đua, khen thưởng là thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp bộ.

Điều 18. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 65/2014/NĐ-CP và có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh hướng dẫn thành lập, quy định nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần đối với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh.

Điều 19. Quy định về hồ sơ, thủ tục

Hồ sơ, thủ tục đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 39/2012/NĐ-CP và những quy định sau:

1. Quy định về kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng khi xét danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương, "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và Hội đồng xét danh hiệu vinh dự Nhà nước: "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", Nhà giáo, Thầy thuốc, Nghệ sỹ, Nghệ nhân (nhân dân và ưu tú), Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước phải được các thành viên của Hội đồng bỏ phiếu kín và có tỷ lệ phiếu bầu từ 90% trở lên, tính trên tổng số thành viên của Hội đồng cấp đó (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng phiếu bầu).

2. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng có trách nhiệm công khai tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước trên phương tiện thông tin thuộc quyền quản lý và xử lý thông tin trước khi trình cấp trên khen thưởng.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương lấy ý kiến nhân dân trên Cổng thông tin điện tử của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương đối với danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" và Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ, Báo Nhân dân, Báo Lao động đối với danh hiệu Anh hùng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định (trừ trường hợp đặc biệt).

4. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (ngư dân, đồng bào dân tộc ít người, nông dân, công nhân...), tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng gồm: Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng và báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

5. Việc xét tặng Huân chương bậc cao cho cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng quản lý thực hiện theo Thông báo số 193/TB-TW ngày 20 tháng 9 năm 2005 của Bộ Chính trị:

a) Căn cứ tiêu chuẩn quy định của Luật thi đua, Khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, Nghị định số 65/2014/NĐ-CP, bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ qua Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương báo cáo Ban Cán sự Đảng Chính phủ, trên cơ sở ý kiến của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương thẩm định và trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư cho ý kiến, sau đó Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tiến hành các thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ để trình Chủ tịch nước quyết định khen thưởng;

b) Việc phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân", "Anh hùng Lao động" và khen thưởng huân chương các loại đối với diện cán bộ do Trung ương quản lý, Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương xin ý kiến Ban Tổ chức Trung ương trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

6. Đối với "Huân chương Đại đoàn kết dân tộc": Căn cứ tiêu chuẩn tại Điều 37 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP, bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương xét, trình Thủ tướng Chính phủ. Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổng hợp hồ sơ, thống nhất với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi trình Thủ tướng Chính phủ.

7. Quy trình, hồ sơ, thủ tục, điều kiện tiêu chuẩn khen đối ngoại thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước.

8. Những cán bộ đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, từ trần) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, từ trần) xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 20. Tuyến trình khen thưởng

Tuyến trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 8, 9, 10 và 11 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và theo quy định sau:

1. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo quy định sau:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể ở các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương thì nơi nào trực tiếp quản lý cán bộ và trả lương nơi đó xét, quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng;

b) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khen

thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng;

c) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Đối với tổ chức công đoàn

a) Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho: Các ban, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, công đoàn tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam; Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công đoàn ngành Trung ương và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, bộ, ban, ngành trung ương khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện; công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp, khu chế xuất; công đoàn Tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

3. Tuyến trình khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thực hiện như sau:

a) Việc tặng Bằng khen, Cờ thi đua và phong tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp bộ đối với các đối tượng thuộc Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xem xét, quyết định;

b) Việc đề nghị tặng thưởng "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ", "Cờ thi đua của Chính phủ", Huân chương, Huy chương các loại và đề nghị phong tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc", "Anh hùng Lao động", "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân", căn cứ đề nghị của Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước, Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh; Bộ trưởng Bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ xét tặng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước xét tặng.

4. Đối với tập thể, cá nhân thuộc Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất thực hiện như sau:

Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất quyết định tặng thưởng danh hiệu "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến", "Chiến sỹ

thi đua cơ sở" và Giấy khen của Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất. Trên cơ sở đề nghị của Trưởng ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (nơi có khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất) quyết định xét tặng danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc", Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ xét, quyết định khen thưởng hoặc trình Chủ tịch nước khen thưởng.

Điều 21. Hồ sơ, thời điểm trình khen Huân chương, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, danh hiệu vinh dự Nhà nước

1. Danh hiệu "Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân","Anh hùng Lao động" được tổ chức xét 05 năm một lần vào dịp Đại hội thi đua yêu nước các cấp, trừ những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

2. Hồ sơ đề nghị khen thưởng Huân chương, "Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ" thực hiện theo khoản 4 Điều 57 và khoản 2 Điều 58 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Nghị định số 39/2012/NĐ-CP.

Hồ sơ đề nghị khen thưởng "Huân chương Sao vàng", "Huân chương Hồ Chí Minh", "Huân chương Độc lập", "Huân chương Quân công", "Huân chương Lao động", "Huân chương Bảo vệ Tổ quốc" cho cán bộ có quá trình cống hiến qua các giai đoạn cách mạng, gồm: Tờ trình kèm theo danh sách trích ngang cán bộ được đề nghị khen thưởng, bản tóm tắt quá trình công tác, thời gian từng giữ chức vụ, các hình thức khen thưởng và kỷ luật của cá nhân đó.

Điều 22. Thông báo kết quả khen thưởng

Tập thể, cá nhân đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định khen thưởng, cơ quan thẩm định thông báo cho đơn vị trình khen thưởng biết.

Tập thể, cá nhân không đủ tiêu chuẩn khen thưởng, trong thời hạn 10 ngày làm việc (kể từ ngày cấp có thẩm quyền khen thưởng thông báo) cơ quan thẩm định phải thông báo cho đơn vị trình khen biết. Nếu hồ sơ không đúng tuyến trình, cơ quan thẩm định thông báo và trả hồ sơ cho đơn vị trình khen thưởng.

Điều 23. Lưu trữ hồ sơ khen thưởng

Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm lưu trữ hồ sơ khen thưởng của cấp mình và cấp cơ sở để thuận tiện cho việc tra cứu hồ sơ, giải quyết đơn, thư khiếu nại của công dân hoặc xác nhận cho các đối tượng được hưởng chính sách khi có yêu cầu. Chế độ bảo quản hồ sơ thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 24. Sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng

1. Nguồn hình thành, mức trích và việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 67 và 68 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và Thông tư

số 71/TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn công tác quản lý tài chính, thực hiện chế độ thi đua, khen thưởng.

2. Về tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu thi đua đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

c) Trong cùng thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích để được khen thưởng Huân chương, Huy chương, Bằng khen, Giấy khen thì bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và bị thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.

2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.

3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm có:

a) Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng đối với từng loại hình khen thưởng cho cá nhân;

b) Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.

4. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 26. Hồ sơ, thủ tục tước danh hiệu vinh dự nhà nước

1. Căn cứ quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc có kết luận của cơ quan có thẩm quyền, bộ, ban, ngành, đoàn thể trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã trình khen thưởng danh hiệu vinh dự nhà nước đối với các trường hợp vi phạm pháp luật có trách nhiệm làm thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Chủ tịch nước quyết định tước danh hiệu vinh dự nhà nước.

2. Sau khi có quyết định của Chủ tịch nước, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi

đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thu nộp vào ngân sách nhà nước hoặc quỹ thi đua, khen thưởng theo quy định.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 10 năm 2014 và thay thế Thông tư số 02/2011/TT-BNV ngày 24 tháng 01 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng.

Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương phối hợp với các bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hướng dẫn và tổ chức thực hiện Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Thị Hà